TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/*2019*/HNGĐ - ST
Ngày: 31/01/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Đãng

2. Ông Đinh Q Huấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủtục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 398/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QDST – HNGĐ, ngày 14/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích L - sinh năm 1970

HKTT: Số 75 Ngõ M, phường B, quận H, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, Thôn T, xã N, Huyện T, Hà Nội.

(có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Phạm Đăng T - sinh năm 1965

HKTT: Số 75 Ngõ M, phường B, quận H, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, Thôn T, xã N, Huyện T, Hà Nội.

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 12/9/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Bích L trình bày:***

Chị Nguyễn Bích L và anh Phạm Đăng T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/11/1991 tại UBND phường B, quận H, Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại Số 75 Ngõ M, phường B, Hà Nội đến năm 2014 thì chuyển về sinh sống tại Thôn T, xã N, Huyện T, Hà Nội cho đến nay. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2008. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm vợ chồng. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống được nên Chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Phạm Bích N, sinh ngày 18/8/1994, Phạm Minh T, sinh ngày 29/4/1999 và Phạm Đăng Q, sinh ngày 27/7/2011. Ly hôn, Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng Q và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Phạm Bích N và Phạm Minh T đã trưởng thành, tự thu xếp cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị L khẳng định anh chị tự thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét.

**** Bị đơn là anh Phạm Đăng T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.***

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm như đã trình bày nêu trên.

- Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa xét xử vụ án, Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án cũng như các quyền, nghĩa vụ khác của đương sự.

+ Về nội dung: Chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn đã lâu, không có khả năng đoàn tụ chung sống. Chị L yêu cầu được ly hôn, anh T không đến Tòa cung cấp lời khai, quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án nên xác định mâu thuẫn

vợ chồng giữa anh T và Chị L không thể hàn gắn được. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Chị L, cho Chị L được ly hôn với anh T.

Về con chung: Để đảm bảo sự ổn định phát triển tâm lý, học tập của con chung, đề nghị HDXX giao Chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng Q. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Các con chung là Phạm Bích N và Phạm Minh T đã trưởng thành, tự thu xếp được cuộc sống nên không xét.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Chị L phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là anh Phạm Đăng T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 207, điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và ra bản án xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Bích L và anh Phạm Đăng T xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 21/11/1991 tại UBND phường B, quận H, Hà Nội Chị L yêu cầu được ly hôn với anh T do bất đồng quan điểm, cách sống dẫn đến vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa làm việc, không cung cấp lời khai, quan điểm về việc giải quyết vụ án. Quá trình xác minh tại địa phương nơi Chị L và anh T sinh sống đã xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L và anh T đã kéo dài nhiều năm, việc hòa giải không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L và anh T đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không có bất kỳ lời khai hay quan điểm gì về yêu cầu ly hôn của Chị L, không có bất kỳ giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên việc hòa giải đoàn tụ giữa anh chị không thể thực hiện được. Nếu duy trì hôn nhân giữa anh chị cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị L, cho Chị L được ly hôn với anh Phạm Đăng T.

3. Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là Phạm Bích N, sinh ngày

18/8/1994, Phạm Minh T, sinh ngày 29/4/1999 và Phạm Đăng Q, sinh ngày 27/7/2011. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Đăng Q; anh T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến về vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Phạm Đăng Q do Chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của cháu Q, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 luật hôn nhân gia đình giao cháu Phạm Đăng Q cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung - không ai được cản trở.

Đối với con chung là Phạm Bích N và Phạm Minh T đã trưởng thành, tự thu xếp được cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Trong đơn ly hôn và các lời khai, Chị L khẳng định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Bích L phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bích L được ly hôn với anh Phạm Đăng T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Bích L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Đăng Q, sinh ngày 27/7/2011. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Đối với các con chung là Phạm Bích N, sinh ngày 18/8/1994 và Phạm Minh T, sinh ngày 29/4/1999 đã trưởng thành, tự thu xếp được cuộc sống riêng nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Bích L phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm - Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí Chị L đã nộp tại biên lai số AA/2016/08284, ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Bích L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Anh Phạm Đăng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài